Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8459.61.00

Mã HS	8459.61.00
Mô tả hàng hóa	Máy công cụ (kể cả đầu gia công tổ hợp có thể di chuyển được) dùng để khoan, doa, phay, ren hoặc ta rô bằng phương pháp bóc tách kim loại, trừ các loại máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) thuộc nhóm 84.58 / - Máy phay khác: / - - Điều khiển số
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	03/11/2026 20:26:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84596100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14129
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14129
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14129
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13460
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13401
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13401
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13401
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13401
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13401
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13401
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13455
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13455

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13455
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13455
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13455
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13455
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13456
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13456
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13456
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13456
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13456
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13456
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13459
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13407
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13415
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13415
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13415
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13415
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13415
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13415
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13446
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13446
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13446
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13446
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13446
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13446
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13495
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13495

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13495
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13495
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13495
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13495
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13478
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13478
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13478
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13478
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13478
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13478
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13478
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13478
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13478
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13478
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13478
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13478
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13493
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13493
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13493
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13493
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13493
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13493
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13492
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13492
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13492
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13492

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13492
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13492
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13472
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13472
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13472
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13472
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13472
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13472
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13472
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13480
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13480
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13480
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13480
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13480
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13480
RCEP B	2022	2022	0	B!D13480
RCEP B	2023	2023	0	B!E13480
RCEP B	2024	2024	0	B!F13480
RCEP B	2025	2025	0	B!G13480
RCEP B	2026	2026	0	B!H13480
RCEP B	2027	2027	0	B!I13480
RCEP C	2022	2022	0	C!D13480
RCEP C	2023	2023	0	C!E13480
RCEP C	2024	2024	0	C!F13480
RCEP C	2025	2025	0	C!G13480
RCEP C	2026	2026	0	C!H13480

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13480
RCEP D	2022	2022	0	D!D13479
RCEP D	2023	2023	0	D!E13479
RCEP D	2024	2024	0	D!F13479
RCEP D	2025	2025	0	D!G13479
RCEP D	2026	2026	0	D!H13479
RCEP D	2027	2027	0	D!I13479
RCEP E	2022	2022	0	E!D13483
RCEP E	2023	2023	0	E!E13483
RCEP E	2024	2024	0	E!F13483
RCEP E	2025	2025	0	E!G13483
RCEP E	2026	2026	0	E!H13483
RCEP E	2027	2027	0	E!I13483
RCEP F	2022	2022	0	F!D13480
RCEP F	2023	2023	0	F!E13480
RCEP F	2024	2024	0	F!F13480
RCEP F	2025	2025	0	F!G13480
RCEP F	2026	2026	0	F!H13480
RCEP F	2027	2027	0	F!I13480
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12507
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12507
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12507
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12507

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8459.61.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8459.61.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14129), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.